

Số: 29/TB-CTSV

Hà Nội, ngày 5 tháng 5 năm 2022

THÔNG BÁO

Kết quả họp Hội đồng xét học bổng khuyến khích học tập sinh viên hệ đại học chính quy Học kỳ I, Năm học 2021 - 2022

Hội đồng xét học bổng khuyến khích học tập sinh viên hệ đại học chính quy đã tiến hành họp để xét học bổng khuyến khích học tập sinh viên hệ đại học chính quy học kỳ I, năm học 2021 - 2022.

Căn cứ kết luận cuộc họp Hội đồng, Phòng Công tác sinh viên thông báo danh sách dự kiến sinh viên đạt học bổng khuyến khích học tập học kỳ I, năm học 2021 - 2022 (theo danh sách đính kèm) và tổ chức lấy ý kiến phản hồi của sinh viên trong vòng 7 ngày (từ 5/5/2022 đến hết ngày 12/5/2022).

Mọi ý kiến phản hồi, sinh viên liên hệ Phòng Công tác sinh viên - Phòng 409, tầng 4 Tòa nhà 15 tầng - Số điện thoại 0243.775.2184; Email: congtaacsinhvien@vwa.edu.vn.

Sau thời hạn công khai kết quả dự kiến nêu trên, Phòng Công tác sinh viên sẽ tham mưu trình Ban Giám đốc ban hành Quyết định chính thức công nhận kết quả.

Sinh viên lưu ý:

Để được xét học bổng khuyến khích học tập, sinh viên phải học đạt đủ tín chỉ tối thiểu quy định trong học kỳ (không tính Giáo dục thể chất, GD Quốc phòng An ninh); không vi phạm kỷ luật; có kết quả Học tập và Rèn luyện tối thiểu đạt mức từ Khá trở lên. Học bổng được xét kết quả từ cao xuống thấp theo nguồn quỹ học bổng độc lập của từng khối/ngành (quỹ học bổng được lấy từ nguồn 8% học phí của từng khối/ngành).

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc (để b/cáo);
- CVHT các lớp (để thông tin cho SV);
- SV hệ ĐHCQ (để t/h);
- Lưu: CTSV.

TRƯỞNG PHÒNG



ThS. Bùi Gia Huân

HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM
PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

**DANH SÁCH DỰ KIẾN SINH VIÊN ĐẠT HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2021 - 2022**

(Kèm theo Thông báo số: 29/TB-CTSV ngày 5 tháng 5 năm 2022 của Phòng Công tác sinh viên)

TT	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Lớp	Học tập	Rèn luyện	Loại học bổng
Khoá 6 - Ngành Công tác xã hội								
1	1877610010	Nền Quỳnh	Diễm	010500	K6CTXHA	3.88	96	Xuất sắc
2	1877610015	Lo Thị	Hoa	050600	K6CTXHA	3.79	90	Xuất sắc
Khoá 7 - Ngành Công tác xã hội								
1	1977610040	Hà Thu	Trang	021001	K7CTXH	3.57	86	Giỏi
Khoá 8 - Ngành Công tác xã hội								
1	2077610076	Phí Thị	Hạnh	030502	K8CTXH	3.52	83	Giỏi
Khoá 9 - Ngành Công tác xã hội								
1	2177610344	Đỗ Thị Hồng	Tươi	230503	K9CTXH	3.87	82	Giỏi
2	2177610293	Mường Thị Thùy	Linh	010103	K9CTXH	3.68	84	Giỏi
3	2177610385	Vũ Phương	Mai	170303	K9CTXH	3.58	83	Giỏi
Khoá 6 - Ngành Giới và Phát triển								
1	1873190014	Nguyễn Thị	Ngân	160200	K6GIOI	3.70	90	Xuất sắc
Khoá 7 - Ngành Giới và Phát triển								
1	1973190007	Nguyễn Hiền Linh	Chi	300601	K7GIOI	3.87	97	Xuất sắc
Khoá 8 - Ngành Giới và Phát triển								
1	2073190022	Nguyễn Thị	Nguyệt	120102	K8GIOI	3.74	91	Xuất sắc
2	2073190061	Mai Thị	Lành	270102	K8GIOI	3.74	91	Xuất sắc
Khoá 9 - Ngành Giới và Phát triển								
1	2173190107	Trương Thị Thanh	Hiền	300903	K9GIOI	3.56	90	Giỏi
2	2173190050	Nguyễn Thị Vân	Anh	200403	K9GIOI	3.48	94	Giỏi
Khoá 6 - Ngành Luật								
1	1873810013	Nguyễn Thế	Đông	090800	K6LUATA	3.83	99	Xuất sắc
2	1873810088	Trịnh Thị Quỳnh	Mai	051200	K6LUATB	3.79	92	Xuất sắc
3	1873810114	Nguyễn Thị Giản	Đơn	021000	K6LUATC	3.78	90	Xuất sắc
4	1873810039	Lương Phương	Thanh	280900	K6LUATA	3.74	97	Xuất sắc
5	1873810099	Vì Thị	Thảo	120100	K6LUATB	3.71	94	Xuất sắc
6	1873810166	Ngô Thu	Hà	021298	K6LUATA	3.72	85	Giỏi
Khoá 7 - Ngành Luật								
1	1973810051	Hoàng Diễm	Linh	080601	K7LUATA	3.85	92	Xuất sắc
2	1973810029	Trần Đức	Hải	300700	K7LUATA	3.81	92	Xuất sắc

TT	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Lớp	Học tập	Rèn luyện	Loại học bổng
3	1973810053	Nguyễn Phương	Linh	131001	K7LUATA	3.73	94	Xuất sắc
4	1973810017	Nguyễn Thị Xuân	Cúc	051001	K7LUATB	3.69	93	Xuất sắc
Khoá 8 - Ngành Luật								
1	2073810391	Trần Hà	Trang	020502	K8LUATB	3.74	92	Xuất sắc
2	2073810406	Nguyễn Hải	Yến	140202	K8LUATB	3.62	94	Xuất sắc
3	2073810624	Nguyễn Thanh	Hà	120601	K8LUATB	3.60	81	Giỏi
Khoá 9 - Ngành Luật								
1	2173810963	Nguyễn Thị	Nhung	160603	K9LUATB	3.74	95	Xuất sắc
2	2173810837	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	311202	K9LUATB	3.57	93	Giỏi
3	2173810868	Trần Thị Hoàng	Anh	280202	K9LUATB	3.47	92	Giỏi
4	2173810858	Phạm Hải	Anh	160803	K9LUATB	3.44	91	Giỏi
5	2173810852	Nguyễn Hương	Giang	170103	K9LUATB	3.43	92	Giỏi
6	2173810549	Nguyễn Thị Linh	Thảo	250903	K9LUATB	3.40	80	Giỏi
7	2173810720	Nguyễn Ngọc Thu	Hoài	010203	K9LUATA	3.33	90	Giỏi
8	2173810834	Nguyễn Thu	Phương	090903	K9LUATB	3.31	90	Giỏi
Khoá 8 - Ngành Luật kinh tế								
1	2073800038	Đàm Thị	Hồng	291002	K8LUAKT	3.44	86	Giỏi
2	2073800128	Hà Phương	Thảo	020402	K8LUAKT	3.25	92	Giỏi
3	2073800308	Vũ Thu	Trang	271202	K8LUAKT	3.15	84	Khá
Khoá 9 - Ngành Luật kinh tế								
1	2173800586	Hoàng Thị	Lương	030201	K9LKTb	3.79	83	Giỏi
2	2173800627	Nguyễn Thị Minh	Phượng	240603	K9LKTb	3.79	83	Giỏi
3	2173800671	Nguyễn Thanh	Thư	021003	K9LKTb	3.70	82	Giỏi
4	2173800579	Đỗ Thúy	Hằng	030303	K9LKTb	3.66	83	Giỏi
5	2173800624	Nguyễn Châu	Giang	081203	K9LKTb	3.60	83	Giỏi
6	2173800673	Huỳnh Anh	Thư	080303	K9LKTb	3.51	81	Giỏi
7	2173800751	Phạm Thị Thu	Thảo	100303	K9LKTb	3.49	81	Giỏi
Khoá 6 - Ngành Quản trị kinh doanh								
1	1873410017	Phạm Thị ánh	Hồng	150700	K6QTKDA	3.86	96	Xuất sắc
2	1873410030	Lưu Thị Bình	Ngọc	251100	K6QTKDA	3.81	93	Xuất sắc
3	1873410086	Ngô Yến	Nhi	310500	K6QTKDB	3.76	90	Xuất sắc
Khoá 7 - Ngành Quản trị kinh doanh								
1	1973410066	Lê Thị	Linh	180701	K7QTKDB	3.43	83	Giỏi
2	1973410106	Hà Thị	Tâm	161001	K7QTKDB	3.43	83	Giỏi
3	1973410113	Phạm Thị Phương	Thảo	300801	K7QTKDB	3.41	83	Giỏi
4	1973410065	Hoàng Thị	Linh	021101	K7QTKDB	3.35	91	Giỏi
5	1973410060	Phạm Ngọc	Lan	120999	K7QTKDA	3.33	96	Giỏi

TT	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Lớp	Học tập	Rèn luyện	Loại học bổng
Khoá 8 - Ngành Quản trị kinh doanh								
1	2073410177	Phạm Thị	Thu	201299	K8QTKDA	3.74	91	Xuất sắc
2	2073410130	Nguyễn Thị Phụng	Anh	050302	K8QTKDA	3.60	90	Xuất sắc
3	2073410623	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	251002	K8QTKDB	3.78	83	Giỏi
4	2073410938	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	020400	K8QTKDC	3.72	82	Giỏi
5	2073410638	Dương Thị	Yến	051002	K8QTKDB	3.64	83	Giỏi
6	2073410649	Nguyễn Thị Tổ	Quyên	061202	K8QTKDB	3.61	84	Giỏi
7	2073410221	Nguyễn Thu	Giang	280600	K8QTKDA	3.58	96	Giỏi
8	2073410634	Vũ Quỳnh	Anh	251202	K8QTKDB	3.64	75	Khá
Khoá 9 - Ngành Quản trị kinh doanh								
1	2173410612	Đặng Thị Hương	Giang	061099	K9QTKDA	3.85	93	Xuất sắc
2	2173411366	Trần Ngọc	Lan	311003	K9QTKDA	3.72	91	Xuất sắc
3	2173411908	Nguyễn Mai	Thùy	170603	K9QTKDC	3.68	91	Xuất sắc
4	2173411859	Nguyễn Thị Dịu	Ninh	180203	K9QTKDC	3.78	83	Giỏi
5	2173411811	Phạm Yến	My	070403	K9QTKDB	3.72	84	Giỏi
6	2173410754	Hoàng Thảo	Ly	041101	K9QTKDA	3.71	84	Giỏi
7	2173412006	Bùi Thương	Uyên	300503	K9QTKDC	3.71	80	Giỏi
8	2173410631	Đào Thị	Trà	150103	K9QTKDA	3.70	88	Giỏi
9	2173411603	Chu Diệu	Anh	011003	K9QTKDB	3.69	88	Giỏi
10	2173411620	Nguyễn Kim	Anh	250803	K9QTKDB	3.67	83	Giỏi
11	2173410634	Điền Thị	Phương	120299	K9QTKDA	3.66	85	Giỏi
12	2173411763	Đào Thị Thùy	Linh	200803	K9QTKDB	3.66	84	Giỏi
13	2173411742	Nguyễn Thị Lan	Hương	161203	K9QTKDB	3.66	82	Giỏi
14	2173411816	Ngô Minh	Nga	231203	K9QTKDA	3.66	82	Giỏi
15	2173410877	Lưu Thị Thu	Thảo	90302	K9QTKDA	3.63	88	Giỏi
16	2173412034	Đỗ Khánh	Linh	181103	K9QTKDC	3.61	88	Giỏi
17	2173411888	Nguyễn Tiến	Thành	200402	K9QTKDB	3.67	74	Khá
Khoá 8 - Ngành Kinh tế								
1	2073100099	Lương Minh	Khánh	200802	K8KTE	3.66	80	Giỏi
2	2073100115	Bùi Thị Ngọc	Hà	100702	K8KTE	3.54	80	Giỏi
Khoá 9 - Ngành Kinh tế								
1	2173100667	Vì Thị	Tươi	180503	K9KTEB	3.57	82	Giỏi
2	2173100633	Nguyễn Phương	Trà	120903	K9KTEB	3.57	80	Giỏi
3	2173100122	Trần Thu	Phương	040303	K9KTEA	3.50	84	Giỏi
4	2173100420	Nguyễn Thị Anh	Thư	030102	K9KTEA	3.44	86	Giỏi
5	2173100635	Nguyễn Thị	Hoa	211003	K9KTEB	3.72	77	Khá
6	2173100609	Phạm Thanh	Tâm	260903	K9KTEB	3.55	74	Khá

TT	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Lớp	Học tập	Rèn luyện	Loại học bổng
7	2173100674	Tô Thị Ngọc	Sen	291203	K9KTEB	3.50	70	Khá
8	2173100711	Nguyễn Thị	Duyên	210303	K9KTEB	3.46	77	Khá
Khoá 6 - Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành								
1	1873430156	Nguyễn Thị	Hương	270900	K6QTDLC	3.88	94	Xuất sắc
2	1873430175	Nguyễn Thúy	Ninh	020900	K6QTDLC	3.76	91	Xuất sắc
3	1873430203	Nguyễn Mỹ	Anh	270200	K6QTDLB	3.72	92	Xuất sắc
4	1873430104	Bùi Thảo	Nguyễn	031000	K6QTDLB	3.68	90	Xuất sắc
5	1873430186	Ngô Thị	Thảo	160700	K6QTDLC	3.75	88	Giỏi
6	1873430070	Hoàng Ngọc	Châm	070500	K6QTDLB	3.74	86	Giỏi
7	1873430140	Đoàn Thanh	Hà	011100	K6QTDLC	3.68	87	Giỏi
Khoá 7 - Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành								
1	1978130136	Trịnh Thị Khánh	Linh	210101	K7QTDLB	3.81	96	Xuất sắc
2	1978130159	Bùi Thị Quỳnh	Nga	280800	K7QTDLC	3.62	90	Xuất sắc
3	1978130242	Hà Thị Thu	Trang	230701	K7QTDLB	3.61	85	Giỏi
4	1978130110	Nhữ Thị	Huyền	150601	K7QTDLC	3.58	84	Giỏi
5	1978130007	Đỗ Quỳnh	Anh	040701	K7QTDLB	3.55	85	Giỏi
6	1978130044	Nguyễn Anh	Dũng	261101	K7QTDLC	3.54	91	Giỏi
7	1978130024	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	011201	K7QTDLB	3.54	92	Giỏi
8	1978130212	Lê Thị Thanh	Tâm	101101	K7QTDLA	3.53	90	Giỏi
9	1978130176	Trần Hương Thảo	Nguyễn	030501	K7QTDLB	3.52	86	Giỏi
10	1978130013	Phạm Thị Mỹ	Anh	230801	K7QTDLC	3.51	85	Giỏi
11	1978130126	Hồ Thị	Linh	140501	K7QTDLC	3.51	84	Giỏi
Khoá 8 - Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành								
1	2078130473	Hoàng Vân	Khánh	110102	K8QTDLA	3.79	91	Xuất sắc
2	2078130870	Vũ Đức	Nhật	030201	K8QTDLB	3.67	90	Xuất sắc
3	2078131292	Nguyễn Khánh	Huyền	300502	K8QTDLC	3.61	91	Xuất sắc
4	2078130823	Nguyễn Thị Kim	Huệ	100102	K8QTDLA	3.81	87	Giỏi
5	2078130821	Nguyễn Thị Thanh	Chúc	260902	K8QTDLA	3.72	88	Giỏi
6	2078131381	Nguyễn Phương	Thảo	051202	K8QTDLC	3.68	87	Giỏi
7	2078130886	Trần Thị Thu	Hương	160102	K8QTDLC	3.67	88	Giỏi
8	2078130856	Hoàng Thị Thái	Bình	130502	K8QTDLB	3.64	88	Giỏi
Khoá 9 - Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành								
1	2178131018	Lê Thị	Dung	220303	K9QTDLA	3.64	87	Giỏi
2	2178130724	Nguyễn Thị Vân	Anh	050403	K9QTDLA	3.53	90	Giỏi
3	2178131433	Nguyễn Hương	Giang	271203	K9QTDLC	3.53	90	Giỏi
4	2178131214	Trần Thị Lan	Nhi	221203	K9QTDLB	3.53	80	Giỏi
5	2178130852	Trần Thùy	Trang	271103	K9QTDLA	3.51	82	Giỏi

TT	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Lớp	Học tập	Rèn luyện	Loại học bổng
6	2178130971	Nguyễn Thị Phương	Anh	020603	K9QTDLB	3.50	84	Giỏi
7	2178130709	Nguyễn Thị Thanh	Tinh	231003	K9QTDLA	3.49	86	Giỏi
8	2178130865	Trịnh Thị	Oanh	081203	K9QTDLA	3.48	86	Giỏi
9	2178131066	Đinh Hương Nhật	Hoa	140103	K9QTDLB	3.48	80	Giỏi
10	2178130382	Nguyễn Hải	Yến	171202	K9QTDLA	3.44	88	Giỏi
11	2178131380	Đinh Thị	Trà	220703	K9QTDLC	3.44	78	Khá
12	2178131083	Võ Đình Hải	Huy	071203	K9QTDLB	3.43	70	Khá
13	2178131274	Lê Thị Phương	Thảo	220403	K9QTDLB	3.44	66	Khá

Khoá 6 - Ngành Truyền thông đa phương tiện

1	1873240066	Ngô Thảo	Anh	200700	K6TTDPTB	3.87	85	Giỏi
2	1873240008	Trần Linh	Đan	021100	K6TTDPTA	3.87	80	Giỏi
3	1873240039	Phản Tạ	Mại	080998	K6TTDPTA	3.79	86	Giỏi
4	1873240001	Bùi Thị Minh	Anh	010100	K6TTDPTA	3.70	86	Giỏi

Khoá 7 - Ngành Truyền thông đa phương tiện

1	1973240125	Đỗ Thị Đài	Trang	130996	K7TTDPTB	3.91	95	Xuất sắc
2	1973240133	Nguyễn Huy	Tùng	180101	K7TTDPTA	3.76	97	Xuất sắc
3	1973240095	Phạm Xuân	Phước	150901	K7TTDPTB	3.61	98	Xuất sắc
4	1973240105	Ngô Công	Thành	250801	K7TTDPTA	3.61	91	Xuất sắc

Khoá 8 - Ngành Truyền thông đa phương tiện

1	2073240079	Vũ Phương	Thảo	140502	K8TTPTA	3.70	90	Xuất sắc
2	2073240217	Phạm Hải	Anh	231100	K8TTPTB	3.61	81	Giỏi
3	2073240543	Hoàng Nguyên	Vũ	111002	K8TTPTA	3.57	90	Giỏi
4	2073240599	Lê Mỹ	Trang	010502	K8TTPTB	3.56	84	Giỏi
5	2073240628	Nguyễn Nhật	Linh	101102	K8TTPTB	3.55	94	Giỏi
6	2073240925	Nguyễn Văn	Nam	011002	K8TTPTC	3.50	92	Giỏi
7	2073240624	Nguyễn Hải	Anh	090802	K8TTPTC	3.50	84	Giỏi
8	2073241000	Trần Thị Tuyết	Trinh	030502	K8TTPTC	3.50	81	Giỏi
9	2073240885	Hoàng Phương	Lan	230902	K8TTPTB	3.50	80	Giỏi
10	2073240576	Đỗ Hải	Dương	221002	K8TTPTA	3.45	92	Giỏi
11	2073240633	Hà Huệ	Chi	270902	K8TTPTB	3.45	90	Giỏi
12	2073240617	Chữ Quỳnh	Anh	281202	K8TTPTC	3.41	87	Giỏi
13	2073240620	Lại Thị Linh	Trang	220301	K8TTPTB	3.39	84	Giỏi
14	2073240594	Chu Thành	Long	251002	K8TTPTB	3.38	82	Giỏi

Khoá 9 - Ngành Truyền thông đa phương tiện

1	2173241557	Đỗ Việt	Nhật	220802	K9TTPTB	3.61	88	Giỏi
2	2173241495	Nguyễn Hương	Ly	150803	K9TTPTB	3.48	91	Giỏi
3	2173241493	Lương Thị Kiều	Ly	290103	K9TTPTB	3.45	86	Giỏi

TT	Mã SV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Lớp	Học tập	Rèn luyện	Loại học bổng
4	2173240059	Ngô Trung	Anh	220503	K9TTPTA	3,43	91	Giỏi
5	2173241083	Trần Thị Lê	Vân	111003	K9TTPTA	3,42	82	Giỏi
6	2173241609	Đào Thị Xuân	Quỳnh	061103	K9TTPTC	3,39	83	Giỏi
7	2173241500	Bùi Thị Hải	Lý	241103	K9TTPTD	3,39	83	Giỏi
8	2173241707	Lê Thị Kim	Tuyến	120503	K9TTPTD	3,38	83	Giỏi
9	2173240125	Lê Trường	Giang	290803	K9TTPTA	3,34	91	Giỏi
10	2173241484	Vũ Thị Thùy	Linh	300703	K9TTPTC	3,34	83	Giỏi
11	2173241510	Đỗ Hà	My	160603	K9TTPTB	3,32	83	Giỏi
12	2173241566	Đỗ Thị Hồng	Nhung	030103	K9TTPTC	3,31	91	Giỏi
13	2173241697	Lê Thanh	Trúc	060903	K9TTPTC	3,31	83	Giỏi
14	2173241875	Nguyễn ánh	Quyên	011103	K9TTPTD	3,30	86	Giỏi
15	2173241287	Trương Ngọc	Anh	110203	K9TTPTC	3,30	83	Giỏi
16	2173241837	Nguyễn Hương	Giang	090403	K9TTPTD	3,30	83	Giỏi
17	2173241541	Nguyễn Bích	Ngọc	271103	K9TTPTB	3,30	82	Giỏi
18	2173241669	Nguyễn Thị Quỳnh	Toan	220903	K9TTPTD	3,27	94	Giỏi
19	2173241558	Nguyễn Thị Minh	Nhật	291102	K9TTPTC	3,27	87	Giỏi
20	2173241270	Nguyễn Thị Vân	Anh	190903	K9TTPTC	3,27	83	Giỏi
21	2173240752	Nguyễn Bạch	Dương	160302	K9TTPTA	3,26	81	Giỏi
22	2173241771	Trịnh Thị Thu	Hương	220903	K9TTPTD	3,26	81	Giỏi
23	2173241587	Lê Mai	Phương	030303	K9TTPTB	3,26	80	Giỏi
24	2173241325	Nguyễn Đình	Dũng	081103	K9TTPTB	3,24	90	Giỏi
25	2173241315	Vân Thị Linh	Chi	050603	K9TTPTC	3,24	83	Giỏi
26	2173241692	Trương Hà	Trang	231102	K9TTPTC	3,24	83	Giỏi
27	2173241597	Phạm Mai	Phương	240902	K9TTPTD	3,24	82	Giỏi
28	2173240539	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	080903	K9TTPTA	3,51	78	Khá
29	2173240113	Kim Thùy Thùy	Dương	170603	K9TTPTA	3,27	78	Khá
30	2173240864	Nguyễn Thế	Dương	101203	K9TTPTA	3,27	77	Khá

Khoá 8 - Ngành Tâm lý học

1	2073140115	Đào Thùy	Trang	141097	K8TLY	3,96	98	Xuất sắc
2	2073140075	Dương Quốc	Tâm	030102	K8TLY	3,96	94	Xuất sắc

Khoá 9 - Ngành Tâm lý học

1	2173140042	Lê Dương	Hùng	191103	K9TLY	3,57	90	Giỏi
---	------------	----------	------	--------	-------	------	----	------

Khoá 9 - Ngành Công nghệ thông tin

1	2174820150	Nguyễn ánh	Dương	241003	K9CNTT	3,74	90	Xuất sắc
2	2174820010	Nguyễn Đăng	Dạt	220103	K9CNTT	3,66	91	Xuất sắc
3	2174820151	Nguyễn Thị Mai	Lan	020103	K9CNTT	3,59	80	Giỏi